

Bản án số: 175/2020/DS-PT
Ngày: 25-12-2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng
góp hui và hợp đồng vay tài
sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khuru Đê Dành

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Tấn Tài

Ông Nguyễn Hoàng Thám

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2020/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 222/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 156/2020/QĐPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị V, sinh năm 1971, cư trú: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh A (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị V:

- Chị Nguyễn Thị Mỹ N (T), sinh năm 1993 (Giấy ủy quyền ngày 10/3/2020); cư trú: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh A (có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm).

- Anh Lê Hữu N, sinh năm 1983 (Giấy ủy quyền ngày 22/12/2020); cư trú: ấp Trung 2, xã Tân Trung, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1980; cư trú: tổ 1, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh A (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Mỹ H: Ông Nguyễn Văn Kán là Luật sư, Văn phòng Luật sư Hồng Hà thuộc Đoàn luật sư An Giang (có mặt)

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Mỹ H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2020, bản tự khai 10/3/2020 của bà Phan Thị V và chị Nguyễn Thị Mỹ Ngọc là người đại diện cho bà V, trình bày: Do quan hệ quen biết nên vào khoảng năm 2019 bà Phan Thị V có cho bà Nguyễn Thị Mỹ H vay số tiền 80.000.000 đồng, sau đó bà H đã trả được 40.000.000 đồng và bà H có nhờ bà V chơi hụi giùm mỗi tháng 3.000.000 đồng, bà H đã hót hụi với số tiền 65.200.000 đồng, bà H đóng được đến ngày 30/4/2019 thì ngưng đóng còn nợ lại 11 lần hụi chết với số tiền 33.000.000 đồng. Bà V có làm đơn gửi Công an xã giải quyết, bà H thừa nhận nợ bà V tiền vay 40.000.000 đồng, tiền hụi 33.000.000 đồng, theo thỏa thuận thì mỗi tháng bà H phải trả tiền hụi chết cho bà V là 3.000.000 đồng, sau khi trả xong tiền hụi thì trả tiếp tiền vay mỗi tháng 1.000.000đ, nhưng đến nay bà H mới trả được 1.500.000 đồng tiền hụi, còn nợ lại 31.500.000 đồng tiền hụi và tiền vay chưa trả.

Nay yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà V tiền vay 40.000.000 đồng, tiền hụi 31.500.000 đồng, tổng cộng 71.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền vay 40.000.000 đồng từ tháng 5/2019 cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại bản tự khai ngày 17/4/2020 và bản có ý kiến ngày 20/4/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: Không thống nhất như trình bày của bà Ngọc, hiện nay không nợ bà V số tiền vay 40.000.000 đồng và tiền hụi 31.500.000đ, vì biên bản làm việc của Công an xã Phú Bình hù dọa bà nên bà mới ký biên bản, sau đó mời bà lần thứ 2 yêu cầu bà làm tờ cam kết, nên bà làm nội dung cam kết do bà viết và ký tên, còn hai khoản tiền này do bà đánh đề với bà V thua nên chuyển sang tiền vay và tiền hụi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2020/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466, 468 và 471 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về “Hợp đồng vay tài sản” và “Hợp đồng góp hụi”.

- Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả cho bà Phan Thị V số tiền hụi, tiền vốn vay và tiền lãi của vốn vay là 80.184.000 đồng (Tám mươi triệu một trăm

tám mươi bốn ngàn đồng), (Trong đó, tiền hội 31.500.000 đồng, tiền vốn vay là 40.000.000 đồng và tiền lãi vay 8.684.000 đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/7/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H có đơn kháng cáo và đơn kháng cáo (bổ sung) ngày 23/7/2020; yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ Bản án số 140/2020/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Kán bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, phát biểu: Nguyên đơn chưa đưa ra đủ chứng cứ để khởi kiện, do đó quyền khởi kiện của nguyên đơn chưa hợp pháp; về tố tụng án sơ thẩm đã vi phạm pháp luật tố tụng, áp dụng khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là không đúng; Thẩm phán vi phạm Điều 48 đã lập hồ sơ nhưng không thông báo thụ lý cũng như không cung cấp chứng cứ của nguyên đơn cho bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm vận dụng Điều 463 Bộ luật Dân sự hợp đồng vay tài sản nhưng không yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ vay; áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự chỉ căn cứ lời khai của nguyên đơn không cần biết có hợp đồng chơi hội giữa nguyên đơn với bị đơn hay không. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện năm 2017, đơn khởi kiện thì nguyên đơn trình bày năm 2019. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ, đây là quan hệ pháp luật khác, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án hoặc huyền hồ sơ sang cơ quan khác giải quyết.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ H thống nhất với quan điểm tranh luận của ông Nguyễn Văn Kán, không phát biểu gì thêm.

- Anh Lê Hữu N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Tờ cam kết ngày 05-12-2019 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2020/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, giao toàn bộ hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Phú Tân giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm (10-7-2020) ngày 20-7-2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn quy

định tại Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Chị Nguyễn Thị Mỹ N (T) là người đại diện theo ủy quyền của bà V có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị Ngọc theo quy định.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà H, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về tố tụng:

[3.1.1] Theo biên bản phiên tòa sơ thẩm (Bút lục 49 đến 51) thì phiên tòa bắt đầu vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 07 tháng 7 năm 2020 kết thúc vào hồi 9 giờ 30 phút ngày 10 tháng 7 năm 2020. Lẽ ra, trong phần đầu của bản án sơ thẩm phải ghi trong các ngày 07, 10 tháng 7 năm 2020,...; nhưng Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2020/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 lại ghi “Trong ngày 10 tháng 7 năm 2020,...”. Vi phạm về thủ tục tố tụng này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3.1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27-11-2020, chị N (T) và bà H thừa nhận giữa bà V với bà H không có chơi hội với nhau; tại Tờ tường trình ngày 8 tháng 12 năm 2020 bà Võ Thị Niết trình bày, bà Phan Thị V tham gia chơi hội, hốt hội và đóng hội chết với bà Niết. Điều này cho thấy, bà V tham gia chơi hội với bà Niết, tự đóng (góp) hội, tự hốt (lĩnh) hội. Như vậy, giữa bà V với bà H không có xác lập giao dịch góp hội với nhau, nhưng cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của bà V đối với số tiền 31.500.000 đồng là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng góp hội” là chưa đúng với quy định tại khoản 1 Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét thấy, cấp sơ thẩm xác định không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, dẫn đến áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 giải quyết về nội dung là không đúng.

[3.1.3] Theo biên bản hòa giải ngày 21 tháng 01 năm 2020 do công an xã Phú Bình lập thể hiện chị N (T) nhưng cấp sơ thẩm không đưa chị N (T) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng để làm rõ nguồn gốc phát sinh khoản nợ mà bà V khởi kiện bà H.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Bị đơn bà H không thừa nhận nợ số tiền vay 40.000.000 đồng, tiền hội 31.500.000 đồng, không đồng ý trả cho bà V và cho rằng đây là khoản nợ do bà chơi số đề, việc chơi số đề thường qua điện thoại với chị N (T) con bà V; do Công an xã Phú Bình hù dọa nên bà mới viết Tờ cam kết ngày 05-12-2019, tại thời điểm viết tờ cam kết chỉ có mặt bà với công an xã là ông Cao Văn Tám và ông Nguyễn Văn Hòa không có mặt bà V; bà có làm Tờ tường trình yêu cầu Công an xã Phú Bình làm rõ việc chơi số đề (Bút lục 27).

[3.2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27-11-2020, chị N (T) thừa nhận tại thời điểm bà H viết Tờ cam kết ngày 05-12-2019 không có mặt bà V, chị N (T) và Tờ cam kết ngày 05-12-2019 do Công an xã Phú Bình đưa cho bà V. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25-12-2010, anh Nghĩa đại diện theo ủy quyền của bà V, trình bày: Theo biên bản hòa giải ngày 21 tháng 01 năm 2020 do công an xã Phú Bình lập có đoạn “Sau khi trả xong tất cả số tiền thì bên chị V phải trả lại giấy hui và biên nhận, nhận nợ” là trả lại giấy ra hui (Tờ lịch) có nội dung: “Ra hui Trang Hui 3.000.000 kỳ 1 áp 30-10-2017 bỏ 700 tổng số 30p Trang hót 65^T. 200...”, giấy ghi ngày 25/10/2017 có nội dung “còn thiếu 80 triệu Ngọc” H, anh Nghĩa cung cấp tại phiên tòa. Điều này thể hiện việc bà H viết Tờ cam kết nợ bà V không trên cơ sở tự nguyện.

[3.2.3] Xét, giấy ra hui (Tờ lịch) có nội dung: “Ra hui Trang Hui 3.000.000 kỳ 1 áp 30-10-2017 bỏ 700 tổng số 30p Trang hót 65^T. 200...”, giấy ghi ngày 25/10/2017 có nội dung “còn thiếu 80 triệu Ngọc” H. Trong khi đó, đơn khởi kiện ngày 09/3/2020, bản tự khai 10/3/2020 của bà Phan Thị V trình bày: Do quan hệ quen biết nên vào khoảng năm 2019 bà Phan Thị V có cho bà Nguyễn Thị Mỹ H vay số tiền 80.000.000 đồng, sau đó bà H đã trả được 40.000.000 đồng và bà H có nhờ bà V chơi hui giùm mỗi tháng 3.000.000 đồng, bà H đã hót hui với số tiền 65.200.000 đồng.

Cho thấy, có sự mâu thuẫn về nguồn gốc và thời gian phát sinh khoản nợ mà bà V khởi kiện bà H như phát biểu tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H, nhưng cấp Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, không đưa chị N (T) vào tham gia tố tụng để làm rõ.

[3.2.4] Tòa án cấp sơ thẩm chưa cho đối chất giữa bà V với bà H và chị N (T) để làm rõ bà H vay tiền của chị N (T) hay của bà V, số tiền bà H đã trả và trả cho ai, ai nhận; chưa làm rõ mối quan hệ chơi hui giữa bà Niết với bà V hay Chị N (T) cũng như làm rõ có việc chơi số đề như bà H trình bày.

Hội đồng xét xử phúc thẩm có triệu tập bà V là nguyên đơn, anh Cao Văn Tám và anh Nguyễn Văn Hòa là Công an xã Phú Bình để đối chất với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H, nhưng bà V, anh Tám, anh Hòa vắng mặt nên không tiến hành đối chất tại phiên tòa phúc thẩm được.

[4] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm về thủ tục tố tụng như nhận định tại đoạn [3.1], chưa thu thập đầy đủ chứng cứ cũng như chưa làm rõ những nội dung còn mâu thuẫn như nhận định tại đoạn [3.2]. Chỉ căn cứ Tờ cam kết ngày 05-12-2019 không trên cơ sở tự nguyện của bà H, không đánh giá chứng cứ để làm rõ nguồn gốc phát sinh khoản nợ cũng như có sự chuyển giao quyền yêu cầu giữa chị N (T) với bà V mà buộc bà H trả cho bà V là chưa có căn cứ vững chắc.

Tòa án cấp phúc thẩm không đủ căn cứ giải quyết nội dung vụ án và để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự theo chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2020/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân

dân huyện Phú Tân và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Phú Tân giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[5] Kháng cáo được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Mỹ H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ H.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2020/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Phú Tân giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ H không phải án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0006900 ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Khuu Để Dành